

Bản án số: **230/2022/DS - PT**

Ngày: 29/9/2022

*V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD
đất và tài sản gắn liền với đất, yêu
cầu hủy quyết định cá biệt”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường.**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường;**

 ông **Trương Công Thi.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLPT- DSST ngày 06/7/2022 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2272/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Lê Thị H**, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 5, khối T, phường C, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Cửu H1**, sinh năm 1965; địa chỉ: 47 đường L, phường C, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: bà **Lê Thị H2**, sinh năm 1966 và ông **Nguyễn C**, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1991; địa chỉ: 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H3, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Thành Nh, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố H3; địa chỉ: 09 đường T2, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quang Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc D - Trưởng Văn phòng; địa chỉ: 06 đường N2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3. Văn phòng Công chứng T4.

Địa chỉ: 221 đường L1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Thanh T5 - Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thạch Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn C2, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1991; địa chỉ: 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

5. Bà Hồ Thị Tr1, sinh năm 1977; có mặt.

6. Ông Hồ Văn Th, sinh năm 1979; vắng mặt.

7. Bà Hồ Thị L2, sinh năm 1980; có mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 3, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam .

Người kháng cáo: ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê H4 (sinh năm 1920, chết năm 1974) và bà Phạm Thị Nh (sinh năm 1921, chết năm 2016) khi còn sống có tạo lập được 01 ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 324,1m² thổ cư tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12 (thửa đất số 455, tờ bản đồ số 2), địa chỉ thửa đất tại 2/90 Đường N3, phường C4, thị xã H3, nay là 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam. Ông H4 và bà Nh có 4 người con là: Lê Thị Đ (chết năm 2014, có các con là Hồ Thị Tr1, Hồ Văn Th, Hồ Thị L2), Lê Thị H5 (chết năm 1995 không có chồng, con),

Lê Thị H và Lê Thị H2. Từ nhỏ các người con trên đều chung sống với ông H4 và bà Nh tại số 2/90 Đường N3, phường C4. Năm 1974, ông H4 chết; năm 1976, bà H và bà Đ có chồng nên ra ở riêng, chỉ còn mình bà H2 ở cùng bà Nh tại nhà và đất trên, hằng năm đều giỗ chạp tại đây.

Đến năm 2016, bà Nh chết, vợ chồng và các con của bà H2 trông coi, quản lý nhà và đất. Sau khi mãn tang bà Nh năm 2019, bà có hỏi bà H2 về thủ tục thừa kế tài sản của cha mẹ thì bà H2 cho rằng nhà và đất trên đã được bà Nh tặng cho vợ chồng bà H2. Bà có yêu cầu bà H2 cung cấp Giấy CNQSD đất nhưng bị từ chối. Qua sao lục hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H3 thì biết rằng thừa đất của cha mẹ bà được đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 197,5m². Năm 1992 bà Nh đăng ký chính lý tại thửa đất số 455, tờ bản đồ số 2 là 348m² loại đất thổ cư. Quá trình cấp Giấy chứng nhận thừa đất trên cụ thể như sau:

Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 197,5m² do UBND thị xã H3 cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phạm Thị Nh ngày 17/12/2007. Ngày 09/3/2012, UBND thành phố H3 cho phép bà Nh tách thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12 thêm 01 thửa đất mới là thửa 299, tờ bản đồ số 12 diện tích 97,5m² loại đất ở đô thị, như vậy thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12 chỉ còn lại 100m² loại đất ở đô thị.

Bà Nh tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12 diện tích 100m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà ở 2 tầng cho bà Lê Thị H2 theo hợp đồng tặng cho số 510 được Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam công chứng ngày 04/4/2012.

Bà Nh tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 12 diện tích 97,5m² cho ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2 theo hợp đồng tặng cho số 509 được Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam công chứng ngày 04/4/2012.

Đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 thì UBND thị xã H3 cấp Giấy CNQSD đất cho ông C và bà H2 số AB308922, diện tích 126,6m² loại đất ở đô thị do UBND thị xã H3 cấp ngày 31/3/2005, rồi sau đó ông C và bà H2 lập hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị C1 theo hợp đồng tặng cho số 004257 do Văn phòng Công chứng T4 công chứng ngày 17/10/2019.

Nay bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 510, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam công chứng ngày 04/4/2012;

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 509, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam công chứng ngày 04/4/2012;

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 004257, quyền số 01TP/CC- SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng T4 chứng nhận ngày 17/10/2019;

- Hủy Giấy CNQSD đất số AB 308922, số vào sổ H00053, do UBND thị xã H3 (nay là thành phố H3) cấp ngày 31/3/2005 cho ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2 đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12, diện tích 126,6m² tại tổ 3, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam;

- Chia di sản thừa kế của ông Lê H4 và bà Phạm Thị Nh để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 324, 1m² tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại 2/90 Đường N3, phường C4, thị xã H3, nay là 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam cho bà Lê Thị H, Lê Thị Đ (Hò Thị Tr1, Hồ Văn Th, Hồ Thị L2 đại diện nhận) và bà Lê Thị H2 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị H rút yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị ngôi nhà 2 tầng tại số 2/90 đường N3, thị xã H3 (nay là thành phố), tỉnh Quảng Nam.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn C, bà Lê Thị H2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Năm 1985, ông Nguyễn C kết hôn với bà Lê Thị H2 là con ông Lê H4 và bà Phạm Thị Nh. Sau khi cưới, vợ chồng ông C về sống chung với mẹ và chị ruột là bà Lê Thị H5 trong căn nhà cấp 4, mái lợp tôn, sườn tre làm từ năm 1974 với diện tích 60,1m². Năm 1994, sau cơn bão lớn, nhà bị cuốn bay, sập hoàn toàn nên vợ chồng ông C xin xây dựng lại nhà, đó là nhà số 2/90 Đường N3 được UBND thị xã H3 cấp sổ nghiệp chủ nhà ở cho ông Lê H4 và bà Phạm Thị Nh. Ngoài ra, vợ chồng ông C cũng xây dựng một ngôi nhà cấp 4 bên cạnh.

Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 197,5m² là của bà Nh được UBND thị xã H3 cấp Giấy CNQSD đất số Ah 996726 ngày 17/12/2007 nên bà Nh đã tặng cho bà Lê Thị H2 100m² và tặng cho vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2 97,5m² trong diện tích 197,5m² tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12.

Năm 1995, chị H5 mất, các chị là Đ và H đã lập gia đình ra ở riêng nên vợ chồng ông C bà H2 trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng mẹ. Năm 2012, vợ chồng ông bà đã đầu tư xây dựng ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 100m² của thửa đất số 134.

- Ngày 04/4/2012, mẹ bà H2 đã lập hợp đồng tặng cho bà H2 quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² và lập hợp đồng tặng cho

vợ chồng bà H2, ông C quyền sử dụng đất tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 12, diện tích 97,5m², được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật.

- Đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12, diện tích 126,6m² là do vợ chồng bà H2 khai hoang riêng và được UBND thị xã H3 cấp Giấy CNQSD đất số AB 308922, sổ vào sổ H00053, ngày 31/3/2005 cho vợ chồng bà H2, nên ngày 17/10/2019, vợ chồng bà H2 đã tặng cho toàn bộ diện tích 126,6m² đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 cho con gái là Nguyễn Thị C1 được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật. Trên diện tích đất này bà C1 đã xây dựng ngôi nhà 03 tầng ở ổn định. Do đó, đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, vợ chồng bà H2 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- ***Bà Nguyễn Thị C1 trình bày:*** Việc UBND thị xã H3 (nay là thành phố H3) cấp Giấy CNQSD đất số AB 308922, sổ vào sổ H00053, ngày 31/3/2005 cho cha mẹ bà là đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở đó, cha mẹ đã tặng cho bà diện tích đất trên và hiện nay trên diện tích đất tranh chấp có ngôi nhà 03 tầng của bà. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- ***Bà Hồ Thị Tr1, ông Hồ Văn Th, và bà Hồ Thị L2 trình bày:*** Ông, bà là con của bà Lê Thị Đ, hiện nay cha mẹ ông bà đều đã chết. Ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế của mẹ ông bà, các ông bà, thống nhất giao cho bà Hồ Thị Tr1 đại diện nhận và tự phân chia.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các điều 26, 34, 37, 157, 165, 228, khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 247 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; các điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ, các điều 12, 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc “Tranh chấp về chia di sản thừa kế, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

Xác định thửa đất số 134 tờ bản đồ số 12, diện tích 197,5m² tại số 2/90 đường N3, thành phố H3 có tổng giá trị đất là 5.925.000.000 đồng là di sản thừa kế của bà Phạm Thị Nh chết để lại.

Giao cho bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn C được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 197,5m² tại tổ 3, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam (nay là số 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn C phải bồi trả cho bà Hồ Thị Tr1 và bà Lê Thị H mỗi người với số tiền là 1.975.000 đồng. *(Một tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).*

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị ngôi nhà 2 tầng tại số 2/90 đường N3, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam là 558.055.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2022, bị đơn ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, vì tài sản trên đã được cha mẹ tặng cho hợp pháp cho vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa Phúc thẩm: Những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện bị đơn đề nghị sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn đề nghị không chấp toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định; về tố tụng, án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục; về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có một số đương sự vắng mặt không rõ lý do, theo đề nghị của các đương sự có mặt tại phiên tòa và của Kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc tài sản các bên tranh chấp chia thừa kế; HĐXX thấy rằng: cụ Lê H4 (1920-1974) và cụ Phạm Thị Nh (1921-2016) chung sống với nhau vào những năm 1940, sinh hạ được 05 người con là ông Lê G (1943-1967); bà Lê Thị Đ (1952-2014); bà Lê Thị H, sinh năm 1954; bà Lê Thị H5 (1963-1995) và bà Lê Thị H2, sinh năm 1966. Sinh thời các cụ tạo lập được tài sản là căn nhà số 2/90 đường N3, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam được Ủy ban nhân dân thị xã H3 cấp sổ nghiệp chủ nhà ở tại Quyết định số 141/QĐ-UB ngày 25/10/1994 cho hai cụ với diện tích là 62,10m². Ngày 17/12/2007, UBND thị xã H3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu AH 996726 vào sổ số H01155 với diện tích 197,5m² có số thửa 134 tờ bản đồ số 12 cho cụ Phạm Thị Nh, vì cụ H4 đã chết năm 1974. Ngày 04/4/2012, cụ Nh lập hợp đồng tặng cho riêng bà H2 100m² đất thuộc thửa số 134, diện tích còn lại 97,5m² được tách thành thửa số 229 cụ Nh lập hợp đồng tặng cho vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2. Các hợp đồng trên được Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam xác nhận ngày 04/4/2012 có số công chứng là 509, 510 quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

[2.2] Quá trình chung sống với cha mẹ trong nhà, vợ chồng ông C, bà H2 có khai hoang được thửa đất bên cạnh nên ông bà đã lập thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ cho riêng mình. Ngày 31/3/2005, UBND thị xã H3 cấp Giấy CNQSDĐ đất số AB 308922, sổ vào sổ H00053 cho vợ chồng bà H2 thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12, diện tích 126,6m². Ngày 17/10/2019, vợ chồng bà H2 lập hợp đồng có công chứng, chứng thực tặng cho toàn bộ diện tích 126,6m² đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 cho con gái là chị Nguyễn Thị C1; tháng 11 năm 2019, chị C1 đã xây dựng ngôi nhà 03 tầng ở ổn định từ đó đến nay.

[2.3] Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà 2 tầng gắn liền với quyền sử dụng 197,5 m² đất tại thửa đất số 134 có giá trị 5.925.000.000 mà ông C và bà H2 đang sử dụng và quyền sử dụng 126,6 m² đất tại thửa 147 mà chị C1 đang sử dụng cho 03 người con của cụ H4 và cụ Nh là bà H, bà H2, bà Đ (con là chị Tr1, anh Th và chị L2). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa số 147 là của riêng ông C và bà H2 tạo lập và đã tặng cho chị C1 là con của ông bà nên không chấp nhận chia thừa kế. Riêng thửa số 134 diện tích 197,5 m² có 50% của cụ H4 đã quá thời hiệu chia thừa kế nên cụ Nh được quản lý sử dụng. Tuy nhiên các hợp đồng tặng cho được công chứng giữa cụ Nh với bà H2 và giữa cụ Nh với bà H2, ông C đã vi phạm Nghị định 75 về điều kiện công chứng là do cụ Nh không biết chữ, không đọc được, nhưng không có nhân chứng, nên các hợp đồng tặng cho trên không có hiệu lực. Vì vậy toàn bộ di sản của cụ H4 và cụ Nh được chia thừa kế cho 3 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 1.975.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn C yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Xét về phần di sản thừa kế của cụ Lê H4 để lại, bản án sơ thẩm nhận định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ H4 đã hết là đúng, vì cụ H4 chết vào năm 1974. Tuy nhiên, án sơ thẩm nhận định rằng di sản của cụ H4 đã hết thời hiệu nên để lại cho cụ Nh quản lý là không đúng. Vì theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 “...*hết thời hạn này, thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó*”; trong thời gian này vợ chồng ông C và bà H2 là người đang trực tiếp chiếm hữu, quản lý sử dụng, nên được hưởng phần di sản của cụ H4 để lại. Do vậy chỉ còn lại 50% tài sản của cụ Nh là di sản chia thừa kế có giá trị là 2.962.500.000đ (5.925.000.000đ/2) được xem xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Xét phần di sản của cụ Nh để lại: bà Lê Thị H2 ở với cụ Nh và có chồng vào năm 1985, vợ chồng ông C, bà H2 vẫn tiếp tục ở với cụ Nh, đã có nhiều công sức đóng góp vào việc duy trì, gìn giữ, tôn tạo khối tài sản trên. Trong quá trình sống chung với cụ Nh trong gia đình, vợ chồng ông C đã dùng tiền riêng của mình là 1.030.000.000 đồng để làm ngôi nhà hai tầng thể hiện tại hợp đồng giao khoán ngày 01/4/2012 giữa ông C với ông Đặng Mậu Th. Chính vì vậy cụ Nh đã lập hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà đất trên cho vợ chồng ông C, bà H2 là thể hiện ý chí tự định đoạt tài sản của cụ Nh. Bản án sơ thẩm nhận định các hợp đồng tặng cho của cụ Nh được thực hiện tại Phòng công chứng nhà nước, cụ Nh không biết chữ, nhưng không có nhân chứng, nên các hợp đồng trên không có hiệu lực, tài sản vẫn còn là của cụ Nh, nên chưa chia thừa kế theo quy định. HĐXX thấy rằng: tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 của Chính phủ quy định: “...*trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng, chứng thực phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định phải có người làm chứng, nhưng người yêu cầu công chứng, chứng thực không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải có người làm chứng*...”. Trong trường hợp này, các bên đương sự thừa nhận cụ Phạm Thị Nh tuy già không đọc được chữ, nhưng vẫn nghe được và vẫn điểm chỉ được trước mặt của Công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam thì không bắt buộc phải có người làm chứng theo quy định.

[3.3] Mặt khác, bà Lê Thị H và bà Lê Thị Đ lập gia đình vào năm 1976, các bà ra ở riêng gần đó, cách nhà cụ Nh khoảng 01 km; hằng năm các bà đều về thăm mẹ trong các dịp giỗ kỵ, lễ tết và biết rõ điều đó nhưng không có ý kiến gì. Áp dụng tương tự “*Án lệ số 03/2016/AL về tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha mẹ và con, con sử dụng liên tục quyền sử dụng đất mà cha mẹ không có ý kiến*” được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4

năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có quy định: “trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì vợ chồng người con đã sử dụng nhà đất liên tục công khai ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất.”. Như vậy, vợ chồng ông C, bà H2 sống chung với cụ Nh từ năm 1985, đã nhiều lần xây dựng nhà vào các năm 1994 và 2012, những người có quyền về tài sản như cụ Nh ở chung nhà, những người trong diện thừa kế như bà Lê Thị H, các con bà Lê Thị Đ đều ở gần đó hay về thăm cụ Nh nhưng không ai có ý kiến gì; tài sản trên cũng được cụ Nh tự nguyện tặng cho có công chứng, chứng thực theo quy định và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động sang tên từ năm 2012; nên đã thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C và bà H2.

[4] Từ nhận định trên **đây**, xét thấy án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, xử chia thừa kế là chưa xem xét đánh giá toàn diện của vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, ông C và bà H2 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị H và có cung cấp được nhiều chứng cứ mới như: Hợp đồng giao khoán xây dựng nhà do ông Nguyễn C ký kết; một số hình ảnh đám tang, đám cưới có đầy đủ các thành viên trong gia đình tham dự sau khi ông C xây dựng lại nhà. Do vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2, sửa Bản án sơ thẩm như kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuy nhiên bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm nên được miễn án phí. Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/ Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 1 Điều 2, Điều 33, Điều 34 Luật đất đai 1993; khoản 16 Điều 3, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013; khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính Phủ; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 16 Nghị định

số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của CP; khoản 2 và 3 Điều 13, khoản 2 Điều 176, khoản 2 Điều 177, Điều 189, Điều 190, Điều 195, Điều 196, Điều 197 Bộ luật dân sự 1995; Điều 184, khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; Án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 và Án lệ số 26/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê H4 và Phạm Thị Nh là thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² và thửa đất số 299, tờ bản đồ số 12, diện tích 97,5m² và thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12 diện tích 126,6m² tại số 2/90 đường N3, thành phố H3.

- Giao cho bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn C được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 100m² và thửa đất số 299, tờ bản đồ số 12, diện tích 97,5m² tại tổ 3, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam (nay là số 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo-BL252).

- Giao cho chị Nguyễn Thị C1 được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 12, diện tích 126,6m² tại tổ 3, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam (nay là số 46 Đường N1, khối X, phường T1, thành phố H3, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo-BL252).

Bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000đ (đã nộp đủ).

2/ Án phí:

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Ông Nguyễn C và bà Lê Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn lại cho bà H2 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0164 ngày 06/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Quảng Nam;
- Cục THADS Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường